

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST

Ngày: 11-01-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mua

Ông Nguyễn Hoàng Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trăm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long:
không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2017/TLST - DS ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 296/2017/QĐXXST - DS, ngày 18 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1945; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú hiện nay: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị H1 (Đỗ Thị H1), sinh năm 1963 (tên thường gọi vợ Tí H2); Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

- *Người làm chứng theo yêu cầu của nguyên đơn:* Chị Lê Thị Kim C, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Ấp P, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào khoảng tháng 5 năm 2017 bà H1 và bà T có làm biên nhận với nhau để thống nhất số tiền bà T cho bà H1 mượn là 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu*

đồng), vì trước đó bà H1 có hỏi mượn tiền của bà T nhiều lần, mỗi lần là 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*), mỗi lần như vậy thì có làm biên nhận riêng nên vào ngày 25 tháng 5 năm 2017 khi bà H1 đến hỏi mượn thêm một số tiền khác thì bà T không cho vì chưa thanh toán số tiền mượn trước đó và đã yêu cầu bà H1 ký tên vào biên nhận tổng số tiền đã mượn là 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*). Biên nhận do chị Trịnh Thị Kim C viết hộ bà T, bà H1 có xem lại nội dung và đồng ý ký tên vào biên nhận với nội dung “*Chị út H1 vợ Tí H2 có hỏi bà T 60.000.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) đưa bằng tiền mặt*”, hai bên đồng ý thỏa thuận lãi suất là 600.000đồng/ngày. Sau khi giao tiền và nhận tiền đầy đủ thì bà H1 có đóng được cho bà T được 15 ngày tiền lãi bằng số tiền 9.000.000đồng (*Chín triệu đồng*) thì ngưng không đóng tiền lãi nữa và cũng không trả lại tiền nợ gốc. Bà T có nhiều lần nhắc nhở bà H1 trả tiền nhưng bà H1 vẫn không trả.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T chỉ yêu cầu bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 trả lại số tiền 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 trình bày ý kiến như sau:

Bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 có tên thường gọi là vợ Tí H2, bà H1 thừa nhận vào khoảng tháng 5 năm 2017 bà H1 có đến gặp bà Nguyễn Thị T và có ký tên vào biên nhận, bà H1 có biết nội dung và đồng ý ký tên vào biên nhận với nội dung “*Chị út H1 vợ Tí H2 có hỏi bà T 60.000.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) đưa bằng tiền mặt*”, nhưng thực tế hỏi vay số tiền là 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) còn 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*) thực tế là tiền lãi suất trong thời gian bà H1 không đóng được bà T cộng lại và ghi vào biên nhận. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 800.000đồng/ngày, bà H1 có đóng tiền lãi cho bà T đầy đủ từ tháng 02 năm 2017 cho đến tháng 5 năm 2017 thì ngưng không đóng nữa do bà H1 bị bệnh, hoàn cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn, việc đóng lãi này hai bên không có làm giấy tờ biên nhận gì hết, chỉ có chồng con bà H1 biết ngoài ra không có ai biết. Bà H1 đồng ý khi vay tiền hai bên có làm biên nhận nợ do chị Lê Thị Kim C viết sau đó bà H1 có ký tên vào biên nhận, khi ký tên thì bà H1 có biết giấy biên nhận ghi nội dung là “*Chị út H1 vợ Tí H2 có hỏi bà T 60.000.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) đưa bằng tiền mặt*”.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 không đồng ý trả cho bà T số tiền 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*), bà H1 chỉ thừa nhận và đồng ý trả số tiền nợ là 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), xin giảm 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền lãi vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Phần ý kiến không thống nhất giữa các đương sự:

Bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 trình bày tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay về số tiền 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) bà H1 ký nhận là bao gồm 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) tiền gốc và 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền lãi suất cộng lại trong thời gian bà H1 không đóng tiền, chứ không phải số tiền gốc là 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Bà T khẳng định là cho bà H1 mượn sau 03 lần bằng 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) chứ không phải vốn lãi cộng lại như bà H1 trình bày.

- Người làm chứng theo yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Kim: Chị C cam kết lời trình bày của mình hoàn toàn là sự thật, nếu có gì sai trái sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Chị C là người ghi biên nhận với nội dung “*Chị út H1 vợ Tí H2 có hỏi bà T 60.000.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) đưa bằng tiền mặt đề tháng 5/2017*”, rồi sau đó bà T đưa cho bà H1 ký tên, khi ghi biên nhận giao ký tên thì chị C có đọc lại cho bà H1 và con gái bà H1 cùng nghe rõ nội dung rồi mới ký tên vào. Các bên giao tiền khi nào thì chị C không biết nhưng khi ghi biên nhận và đưa bà H1 ký tên thì chị C không nghe bà T và bà H1 này nói gì về số tiền 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) hay 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) gì hết. Sự việc chị C biết như thế thì trình bày ngoài ra không biết gì khác, và không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng không có yêu cầu gì thêm, và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình không phải tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 trả lại số tiền là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Bị đơn bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 có ý kiến phản bác lại yêu cầu của bà T, bà H1 cho rằng số tiền 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) là bao gồm 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) tiền gốc và 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) tiền lãi suất cộng lại trong thời gian bà H1 không đóng tiền, chứ không phải số tiền vốn gốc một lần là 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng). Tuy nhiên bà H1 thừa nhận có ký tên vào biên nhận đề tháng 5 năm 2017 nội dung “*Bà Út H1 vợ Tí H2 có hỏi bà T 60.000.000.000 (Sáu chục triệu chẵn), đưa bằng tiền mặt*”.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 có tên thường gọi là vợ Tí H2 trả lại số tiền 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) là có cơ sở xem xét, bởi lẽ bà H1 đã thừa nhận việc mình có ký tên vào biên nhận đề tháng 5 năm 2017 có mượn số tiền 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H1 thừa nhận có ký tên hỏi mượn số tiền 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng) của bà

T, nhưng trong đó số tiền vốn gốc là 40.000.000đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) còn 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) là tiền lãi suất trong thời gian vay đã không đóng cho bà T. Tuy nhiên, bà H1 đã không cung cấp được chứng cứ hoặc người làm chứng để chứng minh cho lời trình bày của mình, thêm nữa khi ký tên vào biên nhận bà H1 có biết được nội dung ghi là “*có hỏi của bà T là 60.000.000.000đồng (Sáu chục triệu đồng chẵn)*” và đồng ý ký tên vào. Vì vậy, việc bà H1 không thừa nhận nợ 60.000.000đồng (*Sáu chục triệu đồng*) là không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những luận điểm trên Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) là phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 phải nộp số tiền 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bà H1 có đơn xin miễn giảm tạm ứng án phí, án phí đề ngày 18 tháng 12 năm 2017 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P về hoàn cảnh gia đình bà H1 đang gặp nhiều khó khăn nên xét miễn giảm 50% số tiền án phí bà H1 phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì vậy số tiền án phí bà H1 còn phải nộp bằng $(3.000.000\text{đồng} \times 50\% = 1.500.000\text{đồng})$ 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0010465 ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 163, Điều 164, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 13, Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị T;

Buộc bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 tên thường gọi vợ Tí H2 trả lại cho Bà Nguyễn Thị T số tiền 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ (Đỗ) Thị H1 phải nộp số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bà H1 có đơn xin miễn giảm tiền tạm ứng án phí, án phí đề ngày 18 tháng 12 năm 2017 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P về hoàn cảnh gia đình bà H1 đang gặp nhiều khó khăn nên xét miễn giảm 50% số tiền án phí bà H1 phải nộp. Vậy số tiền án phí bà H1 còn phải nộp bằng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0010465 ngày 14 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện TB : 02
- THADS huyện TB: 01
- Đương sự
- Lưu: 03

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(*Đã ký*)

Hồ Kim Liên